

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG THỎ
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 12 năm 2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Chiên; Bà Đào Thị Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án thụ lý số: 08/2020/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 10 năm 2020, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phàn Mí G, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Bản S, xã L, huyện P, tỉnh Lai Châu, có mặt.

Bị đơn: Anh Tẩn Vần S, tên gọi khác: Tẩn Lao L, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Bản S, xã Lẩn N, huyện P, tỉnh Lai Châu, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phàn Mí G trình bày:

Chị Phàn Mí G và anh Tẩn Vần S về chung sống với nhau như vợ chồng, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới. Đến ngày 10/10/2018, anh S và chị G đã tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lẩn Nhì Thàng, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Từ khi kết hôn, Chị G và anh S chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Giữa anh S và chị G không có tiếng nói chung, vợ chồng thường cãi chửi nhau.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S thường xuyên uống rượu, đánh chửi vợ, không quan tâm đến gia đình, vợ con, không giúp vợ lo kinh tế, vun đắp hạnh phúc gia đình. Chị G đã khuyên bảo anh S nhiều lần, nhờ gia đình hai bên và nhân dân trong bản hòa giải nhưng không thành. Chị G

cũng đã cho anh S nhiều cơ hội để gìn giữ hạnh phúc gia đình nhưng anh S không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Khoảng từ đầu năm 2020 đến nay, chị G và anh S đã sống ly thân và không còn hỏi thăm, quan tâm đến nhau nữa. Hiện nay, chị G không còn tình cảm với anh S nữa nên chị G làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị G và anh S có 02 con chung là cháu Tấn Chín Q, sinh ngày 15/12/2008 và cháu Tấn Diệu H, sinh ngày 09/5/2018. Hiện nay, cháu Q đang ở với anh S và ông bà nội. Cháu H đang ở với chị G và ông bà ngoại. Chị G có công việc, thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con và có nguyện vọng là sau khi ly hôn, chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Nếu anh S muốn nuôi cháu Q thì chị G cũng nhất trí. Chị G không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị G và anh S không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là anh Tấn Văn S trình bày: Việc anh S và Chị G về chung sống với nhau, được gia đình hai bên tổ lễ đám cưới và có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đúng như lời khai của nguyên đơn. Thời gian gần đây, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị G tự ý đi làm xa mà không xin phép anh S. Chị G đi làm cũng không gửi tiền về nuôi con, không quan tâm đến gia đình. Ngoài ra, có nguyên nhân nào khác thì anh S cũng không biết. Anh S có hai lần đánh chị G do chị G chửi tục với anh S. Anh S cũng không có biện pháp, hành động gì để thuyết phục chị G đồng ý cùng anh tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình. Anh S không muốn ly hôn. Nếu Chị G vẫn kiên quyết ly hôn thì anh S chỉ đồng ý ly hôn khi các con anh đã đủ 18 tuổi. Về con chung, nếu vợ chồng ly hôn thì chị G phải có trách nhiệm nuôi cả hai con cho đến khi các con đủ 18 tuổi, anh S không có nghĩa vụ cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh S không có yêu cầu phản tố.

Quá trình tranh tụng tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện. Tại phần tranh luận, bị đơn là anh Tấn Văn S trình bày ý kiến xong thì tự ý bỏ về.

Theo lời khai của cháu Tấn Chín Q: Hiện nay, cháu đang ở với bố, được bố quan tâm, chăm sóc. Cháu muốn được ở với cả bố và mẹ. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với bố.

Kết quả xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã Lán Nhì Thành, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, xác định: Vợ chồng anh S, chị G có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lán Nhì Thành, ngày 10/10/2018. Ủy ban nhân dân xã nắm được thông tin trong gia đình anh S, chị G thường xuyên có sự tranh cãi, anh S có nhiều lần đánh chị G nhưng gia đình tự bàn bạc, hòa giải mà không yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và

quyết định đưa vụ án ra xét xử đã đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong hồ sơ vụ án khi chuyển sang Viện kiểm sát nghiên cứu không lưu Thông báo của Tòa án về việc mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, bị đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, bị đơn trình bày quan điểm tại phần tranh luận, sau đó thì tự ý bỏ về, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 70 và khoản 7 Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 54, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị Phàn Mí G được ly hôn với anh Tẩn Văn S (tên gọi khác: Tẩn Lao Lủ). Về con chung: Giao cháu Tẩn Chấn Q và cháu Tẩn Diệu H cho chị Phàn Mí G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị G phải tạo mọi điều kiện cho anh S trong việc thăm nom con chung. Anh S phải tôn trọng quyền của con sống chung với người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là chị Phàn Mí G có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị G và anh Tẩn Văn S. Bị đơn là anh Tẩn Văn S đang sinh sống tại bản Sì Lèng Chải, xã Lản Nhì Thàng, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Vì vậy, đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Tại phiên tòa, các đương sự có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Tuy nhiên, tại phần tranh tụng, sau khi tranh luận, bị đơn tự ý bỏ về nên Hội đồng xét xử tiếp tục làm việc và tuyên án vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Mí G và anh Tần Văn S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/10/2018, tại Ủy ban nhân dân xã Lán Nhì Thành, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu nên đây là hôn nhân hợp pháp, kể từ ngày 10/10/2018. Vợ chồng chị G, anh S chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Anh S thường xuyên uống rượu, chửi bới vợ, không giúp vợ lo kinh tế gia đình. Chị G đã khuyên bảo anh S nhiều lần và cho anh S nhiều cơ hội để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng anh S không thay đổi. Hiện nay, Chị G không còn tình cảm với anh S nữa và muốn được ly hôn với anh S. Anh S mong muốn vợ chồng được đoàn tụ nhưng anh S lại không có giải pháp, hành động gì để thuyết phục chị G cùng anh tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình. Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng chị G, anh S về đoàn tụ nhưng không thành. Giữa chị G và anh S không còn có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, yêu thương nhau, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G, giải quyết cho chị G được ly hôn với anh S theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị G và anh S đều có đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con là cháu Tần Chấn Q và cháu Tần Diệu H. Khi được Tòa án hỏi ý kiến, cháu Q trình bày cháu có nguyện vọng được ở với bố. Hiện nay, cháu Q đang ở với bố và ông bà nội, được ông bà quan tâm, chăm sóc. Tuy nhiên, anh S lại không đồng ý nuôi cháu Q mà muốn sau khi ly hôn, chị G phải nuôi cả hai cháu. Chị G có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu nhưng nếu anh S muốn nuôi cháu Q thì chị G cũng nhất trí. Hiện nay, Chị G đang có việc làm và thu nhập ổn định, chị G được gia đình bố mẹ đẻ tạo điều kiện, giúp đỡ việc chăm nom, nuôi dưỡng các cháu. Vì anh S không có nguyện vọng được nuôi cháu Q nên nếu giao cháu Q cho anh S trực tiếp nuôi thì sẽ không đảm bảo cho cháu sẽ có được sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc tự nguyện từ bố. Cháu Tần Diệu H, sinh ngày 09/5/2018, hiện nay cháu còn nhỏ, dưới 03 tuổi và đang ở với mẹ, chị G cũng có nguyện vọng được nuôi cháu nên cần để chị G tiếp tục là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu. Để đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Q, cháu H cho chị G là người trực tiếp nuôi cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh S có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị G là người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị G cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị G không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản: Chị G và anh S không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Phan Mí G được ly hôn với anh Tân Văn S (tên gọi khác: Tân Lao Lủ).

- **Về con chung:** Giao cháu Tân Chấn Q, sinh ngày 15/12/2008 và cháu Tân Diệu H, sinh ngày 05/9/2018 cho chị Phan Mí G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị G và anh S có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị G không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản:** Chị G và anh S không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Mí G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị G đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/0004562, ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, chị G đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã Lán Nhì Thàng;
- Dương sự;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hạnh

